

Bản án số: **72/2018/HC-PT**

Ngày 28 tháng 5 năm 2018

V/v Khiếu kiện quyết định thu hồi
giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Bá Sơn**

Ông **Nguyễn Thanh Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên cao cấp.

Hôm nay, ngày **28** tháng 5 năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: **77/2017/TLPT-HC** ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do bản án hành chính sơ thẩm số **38/2017/HC-ST** ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **77A/2018/QĐXXPT-HC** ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Đặng Văn K.** Địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Năng C.** Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Võ Tấn H.** Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện C. Văn bản ủy quyền số 1098 ngày 26/6/2017, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Phạm Thị Minh P.** Địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.2. Bà **Hoàng Thị Đ.** Địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K và bà Đức: ông **Phan Ngọc N**, địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2017 và ngày 29/6/2017, có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Đặng Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1978, ông Đặng Văn K được Hợp tác xã nông nghiệp 4, xã H giao cho một lô đất và gia đình ông canh tác từ đó đến nay. Năm 1993, Chi cục quản lý đất đai tỉnh Đắk Lắk đo vẽ, trích lục bản đồ địa chính và ngày 05/8/1996, gia đình ông K được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSD đất) số B 885333, xác lập quyền sử dụng đất của gia đình ông K đối với các thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22, thửa 3629 tờ bản đồ số 24 và một số thửa đất khác.

Ngày 14/02/2012, UBND huyện C ban hành quyết định số 316/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý đối với GCNQSD đất số B 885333 ngày 05/8/1996 đối với thửa đất số 3531 và thửa đất số 3629. Ông K đã khởi kiện đối với quyết định này. Tại bản án Hành chính phúc thẩm số 17/2014/HC-PT ngày 18/8/2014 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã xử hủy quyết định số 316/QĐ-UBND của UBND huyện C.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông K có đơn yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C thi hành án. Tuy nhiên, UBND huyện C lại ban hành quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 thay thế cho quyết định số 316/QĐ-UBND đã bị TAND tỉnh Đắk Lắk xử hủy. Như vậy, UBND huyện C đã không chấp hành bản án của Tòa án mà ban hành quyết định thay thế là vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Quyết định số 1455/QĐ-UBND có nội dung thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý của GCNQSD đất số B 885333 ngày 05/8/1996 đối với thửa đất 3531 và thửa đất số 3629. UBND huyện C đã làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất đối với thửa đất số 3629 cho gia đình ông K. Do đó, ông K đề nghị Tòa án hủy một phần quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND huyện C về nội dung thu hồi GCNQSD đất đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22. Buộc UBND huyện C cấp lại GCNQSD đất đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22 cho hộ gia đình ông K.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 05/8/1996, UBND huyện K cấp GCNQSD đất số B 885333, cho ông Đặng Văn K đối với 07 thửa đất, trong đó có các thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22, diện tích 350m² (mục đích sử dụng là đất khu dân cư); thửa 3629 tờ bản đồ số 24 diện tích 920m² (mục đích sử dụng là đất màu).

Đến tháng 8/2011, ông Đặng Văn K thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp vay vốn Ngân hàng. Sau khi kiểm tra, UBND xã H phát hiện có một số sai sót trong việc cấp GCNQSD đất đối với thửa 3531 và thửa 3629, nên có tờ trình gửi UBND huyện đề nghị thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý quyền sử dụng đối với thửa 3531; điều chỉnh mục đích sử dụng đối với thửa 3629.

UBND huyện có công văn giao Thanh tra huyện thẩm tra, xác minh. Ngày 31/01/2012, Thanh tra huyện có báo cáo số 09/BC-T.Tr kết quả thẩm tra, xác minh. Theo đó việc cấp GCNQSD đất đối với hai thửa đất trên có sai sót, cụ thể: Cấp GCNQSD đất đối với thửa 3531 cho ông Đặng Văn K không đúng chủ sử dụng vì thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Phạm Thị Minh P liên tục từ năm 1993 đến nay; Cấp GCNQSD đất đối với thửa 3629 cho ông Đặng Văn K không đúng mục đích sử dụng, vì thực tế ông K sử dụng thửa đất này vào mục đích đất ở liên tục từ 1981 đến nay.

Do đó, UBND huyện ban hành quyết định số 316/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý quyền sử dụng đối với thửa đất 3531 và thửa đất số 3629. Sau khi Quyết định số 316/QĐ-UBND bị hủy, UBND huyện đã giao Thanh tra huyện tiếp tục thẩm tra nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên. Quyết định số 316/QĐ-UBND bị hủy do vi phạm về thể thức. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan, hạn chế những hậu quả có thể xảy ra, UBND huyện C ban hành quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 về việc thu hồi GCNQSD đất số B 885333 ngày 05/8/1996 đối với thửa đất số 3531 do cấp không đúng đối tượng, và thửa 3629 do cấp không đúng mục đích sử dụng, đồng thời đã cấp lại GCNQSD đất đối với thửa 3629 cho ông Đặng Văn K. Việc UBND huyện C ban hành quyết định số 1455/QĐ-UBND là đúng pháp luật, do đó UBND huyện C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Minh P trình bày:

Bà P cho rằng việc UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22 là đúng quy định, vì thửa đất này là của gia đình bà P nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Ước từ đầu năm 1994, và sử dụng ổn định cho đến nay, không có tranh chấp với ai. Việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho ông Đặng Văn K là sai đối tượng sử dụng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Đ có cùng ý kiến với người khởi kiện và không trình bày gì thêm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 38/2017/HC-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K về việc hủy một phần Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND huyện C về nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất Đặng Văn K đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22, và yêu cầu buộc UBND huyện C cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22 tại xã H, huyện C cho hộ gia đình ông Đặng Văn K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, ông Đặng Văn K làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông K vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình, về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn K, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về nguồn gốc diện tích đất tại thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885333 do Ủy ban nhân dân huyện Kroong an Na cấp cho hộ Đặng Văn K, và sau đó bị thu hồi, thấy rằng:

Tại biên bản làm việc ngày 15/4/2015 do Thanh tra huyện lập, ông Hoàng Văn T, (nguyên đội trưởng, nguyên chủ nhiệm HTX) thời kỳ 1995-2003; ông Trần Quốc A (nguyên đội trưởng đội 3 nơi có đất) thời kỳ 1980-1988; ông Nguyễn Dương S, ông Nguyễn Văn T (hộ có đất liền kề từ năm

1975 đến nay); ông Hà Văn Q, ông Nguyễn Văn K (đều là nguyên chủ nhiệm HTX); Ban tự quản thôn K và Cán bộ địa chính xã H đều có cùng ý kiến: Toàn bộ diện tích đất mà bà P đang sử dụng (bao gồm cả thửa đất số 3531, tờ bản đồ 22) là của ông Trần Văn U do Hợp tác xã cấp, đến năm 1994 thì ông U chuyển nhượng lại cho bà P. Từ năm 1980 đến năm 1988, ông Trần Quốc A không giao đất và không ký bất kỳ giấy tờ nào liên quan đến thửa đất mà hiện nay bà P đang sử dụng cho ông Đặng Văn K (BL76).

Ngoài ra, trước khi UBND xã H lập Tờ trình số 70/TTr-UBND, và Thanh tra huyện ban hành Báo cáo số 09/BC-TTr, thì UBND xã H và Thanh tra huyện cũng đã tiến hành thẩm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 3531.

[2] Xét về quá trình quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên thể hiện.

Tại biên bản xác minh thực địa ngày 24/8/2011 do UBND xã H lập có sự tham gia của ông Đặng Văn K và các chủ sử dụng đất liền kề là ông Nguyễn Văn Thống, bà Phạm Thị Minh P và bà Trần Thị Trao, thể hiện nội dung *“Thửa đất 3531 là đất do bà Phạm Thị Minh P nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Uớc (năm 1993) và sử dụng từ đó đến nay, không tranh chấp, không khiếu nại. Ông K được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất 3531, diện tích 530m² đất thổ cư nhưng thực tế ông Đặng Văn K chưa bao giờ canh tác hay sử dụng thửa đất này. Như vậy kết luận thửa đất trên cấp cho ông Đặng Văn K có sai sót...”* (BL75).

Tại biên bản làm việc ngày 12/12/2011 giữa đại diện UBND xã H và ông Đặng Văn K, ông K cho biết *“Thửa đất 3531/530m², tờ bản đồ số 22 xã H được cấp cho gia đình ông K với mục đích sử dụng là đất thổ cư, nhưng trên thực tế gia đình ông K chưa bao giờ quản lý hay sử dụng thửa đất 3531/530m² vì thửa đất 3531 không phải của gia đình ông K, thực tế là của người khác, gia đình ông K không biết là mình đã được cấp thửa 3531/530m², tờ bản đồ 22”*(BL73).

Biên bản thẩm tra, xác minh ngày 31/10/2011 do Thanh tra huyện làm việc với ông Đặng Văn K thể hiện: *“Đối với thửa đất số 3531, thực tế từ trước đến nay gia đình ông không trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên và chưa bao giờ sở hữu thửa đất này...”*

Gia đình ông không kê khai, đăng ký cấp GCNQSD đất số B 885333 ngày 05/8/1996. Toàn bộ quá trình kê khai, đăng ký cấp GCNQSD đất nêu trên cho gia đình ông là do Hợp tác xã 4 xã H thực hiện. Sau đó gia đình ông được thông báo đến nhận. Hợp tác xã kê khai, đăng ký cấp GCNQSD đất cho các hộ là xã viên Hợp tác xã, trong đó có gia đình ông” (BL 79).

Tại biên bản xác minh ngày 24/8/2011[BL 119] ông K thừa nhận “ Ông Đặng Văn K được cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất 3531 tờ bản đồ số 2 diện tích 530m² đất thổ cư nhưng thực tế ông K chưa bao giờ canh tác, sử dụng thửa đất này, vì thửa đất này là của ông Trần Văn Ước sử dụng từ xưa cho đến năm 1993 chuyển nhượng lại cho bà P”.

Trong các biên bản làm việc nêu trên, ông K đều thừa nhận thửa đất số 3531/530m², tờ bản đồ số 22 xã H không phải là đất của ông Đặng Văn K, gia đình ông không kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất mà do Hợp tác xã 4 H thực hiện. Bản thân ông K cũng không biết việc gia đình ông được cấp GCNQSD thửa đất số 3531. Chỉ sau khi Quyết định số 316/QĐ-UBND bị hủy, ông K mới cho rằng thửa đất số 3531 là của gia đình ông đã sử dụng được 01 năm, sau đó thì bà P sử dụng. Lời trình bày này của ông K là mâu thuẫn với lời trình bày trước đây của Ông , ông K cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên, hội đồng xét xử xét thấy việc ủy ban nhân dân huyện C tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để ban hành quyết định số 1455/QĐ- UBND ngày 16/4/2015 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B885333 do Ủy ban nhân dân huyện Kroong Ana cấp cho ông Đặng Văn K đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm ông K không cung cấp chứng cứ nào mới cần được xem xét, do vậy đơn kháng cáo của ông Đặng Văn K không có cơ sở chấp nhận.

Án phí: Ông Đặng Văn K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các nhận định như trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn K.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 38/HCST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K về việc hủy một phần Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND huyện C

về nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885333 do UBND huyện K cấp ngày 05/8/1996 cho ông Đặng Văn K đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22, và yêu cầu buộc UBND huyện C cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3531, tờ bản đồ số 22 tại xã H, huyện C cho hộ gia đình ông Đặng Văn K.

2. Án phí: Ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại biên lai số 0001726 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành